TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 256/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2019
V/v Ly hôn giữa bà P và ông V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Phan Như Nguyệt.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Mai Thị Hoài – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 677/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tăng Bích P, sinh năm 1963; địa chỉ: đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;
Bà P có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963; địa chỉ: đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;
Ông V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tăng Bích P trình bày:

Bà P và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984 nhưng đến năm 2002 thì vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, đăng ký ngày 18/01/2002.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung tên là Tăng Đức Q, sinh ngày 04/7/1985 và Tăng Mỹ T, sinh ngày 30/3/1998, cả hai con chung đều đã thành niên.

Trong quá trình chung sống với nhau, bà P và ông V xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã. Bà P cho rằng ông V không có nghề nghiệp, thường xuyên ăn nhậu không quan tâm, chăm lo gì đến gia đình, con cái. Ông V còn chơi đánh bạc gây nợ nần và bà P phải nhiều lần trả nợ thay cho ông V. Bà P cũng đã nhiều lần cố gắng khuyên nhủ để ông V thay đổi tính tình nhưng không có kết quả. Bà P nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông V để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Cả 02 con chung là Tăng Đức Q, sinh ngày 04/7/1985 và Tăng Mỹ T, sinh ngày 30/3/1998 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định trong quá trình chung sống với ông V cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Tăng Bích P có đơn xin vắng mặt. Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện đã nêu và ý kiến bà đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

Về phía bị đơn: Ông Nguyễn Văn V có đăng ký thường trú và hiện đang cư ngụ tại địa chỉ số đường N, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Toà án nhân dân Quận 11 đã thực hiện thủ tục tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V không đến Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống không phù hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông V không lo làm ăn, không có nghề nghiệp, không chăm lo cho gia đình. Tại các buổi hòa giải ông V đều không đến, chứng tỏ ông V cũng không có thiện chí muốn chung sống với bà P. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông V là trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của bà P có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tăng Bích P; các con chung của bà P và ông V đều đã thành niên nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Tăng Bích P có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn V, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại Kết quả xác minh của Công an Phường X, Quận Y thì ông Nguyễn Văn V có đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại Quận 11. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Tăng Bích P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông V đều vắng mặt, không đến Tòa giải quyết. Ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Tăng Bích P và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, sau đó đến năm 2002 cả hai mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, đăng ký ngày 18/01/2002. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông V là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà P và ông V chung sống có 02 con chung tên là Tăng Đức Q, sinh ngày 04/7/1985 và Tăng Mỹ T, sinh ngày 30/3/1998 cả hai đều đã thành niên nên bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung.

Mâu thuẫn giữa bà P và ông V phát sinh nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống mà không thể giải quyết được. Ông V thiếu trách nhiệm với gia đình, con cái, không có nghề nghiệp ổn định lại thường xuyên ăn nhậu, đánh bạc gây ra nợ nần. Bà P cũng đã nhiều lần cố gắng khuyên nhủ để ông V thay đổi nhưng không có kết quả. Bà P nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông V.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông V. Ông V biết nội dung khởi kiện và yêu cầu của bà P nhưng trong suốt quá trình Tòa án thụ lý đến phiên tòa hôm nay ông V đều không đến Tòa để giải quyết. Điều đó cho thấy ông V không có thiện chí muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Qua sự việc đã nêu thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông V đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Tăng Bích P.

[4] *Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung:* Các con chung của bà P và ông V tên là Tăng Đức Q, sinh ngày 04/7/1985 và Tăng Mỹ T, sinh ngày 30/3/1998 cả 02 đều đã thành niên. Vì vậy, Tòa án không giải quyết việc người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận lời khai của bà P xác định bà và ông V không có tài

sản chung và nợ chung. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Bích P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Tăng Bích P. Cho ly hôn giữa bà Tăng Bích P và ông Nguyễn Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/01/2002 không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

Con chung của bà Tăng Bích P và ông Nguyễn Văn V là Tăng Đức Q, sinh ngày 04/7/1985 và Tăng Mỹ T, sinh ngày 30/3/1998 cả 02 đều đã thành niên nên Tòa án không giải quyết việc người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Bích P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009514 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 25 phút, ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Phan Như Nguyệt;

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 677/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Tăng Bích P, sinh năm 1963; địa chỉ: 94 đường Dương Đình Nghệ, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1963; địa chỉ: 94 đường Dương Đình Nghệ, Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào tài liệu,chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Tăng Bích P. Cho ly hôn giữa bà Tăng Bích P và ông Nguyễn Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/01/2002 không còn giá trị pháp lý.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

2. Về nuôi con chung:

Con chung của bà Tăng Bích P và ông Nguyễn Văn V là Tăng Đức Q, sinh ngày 04/7/1985 và Tăng Mỹ T, sinh ngày 30/3/1998 cả 02 đều đã thành niên nên Tòa án không giải quyết việc người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tăng Bích P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0009514 ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Các thành viên Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 50 phút, ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn T Phúc